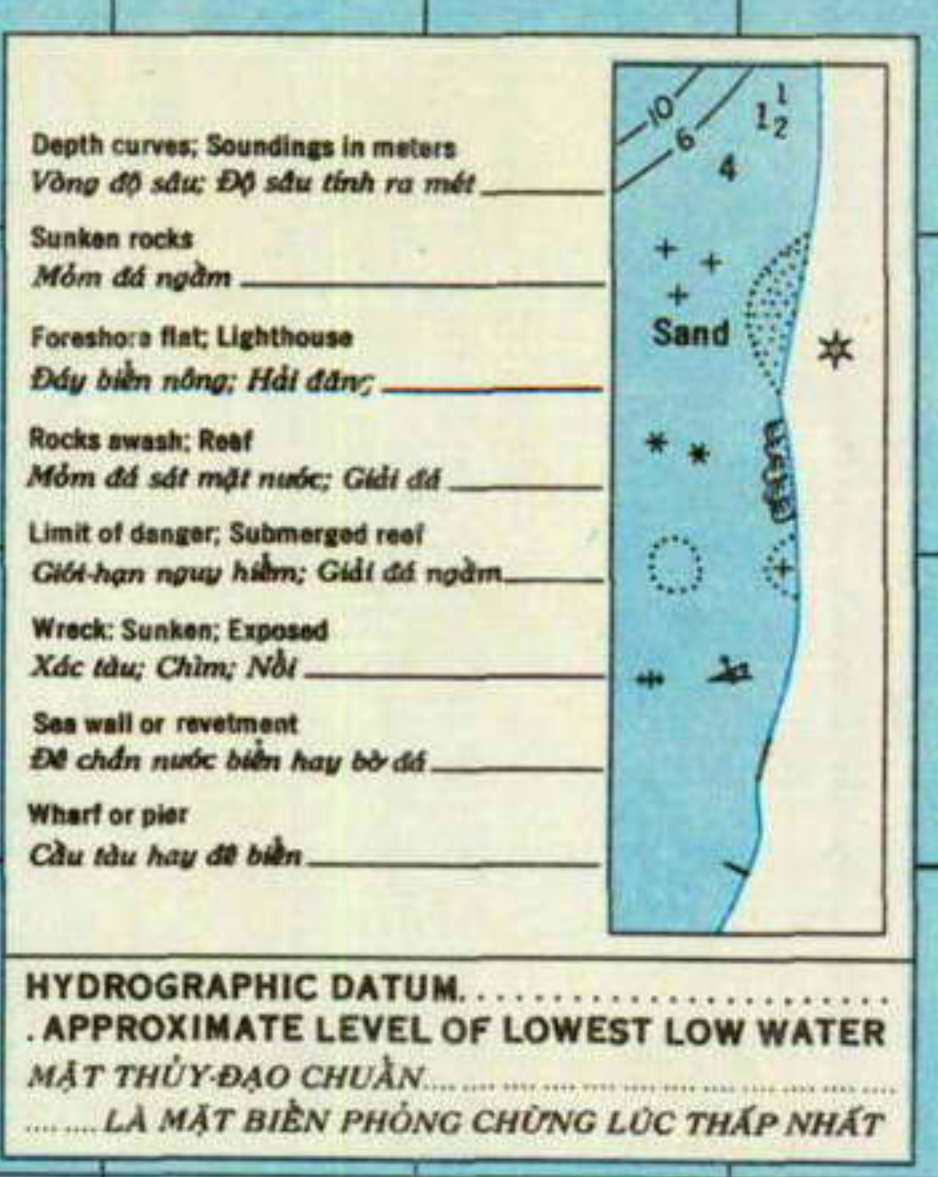




CREDITS

PREPARED BY.....AMS (AM) U.S. ARMY, 1968
NAMES BY.....NGS, VIETNAM
CONTROL BY.....NGS, VIETNAM
COASTAL HYDROGRAPHY FROM.....NAVOCEANO CHARTS

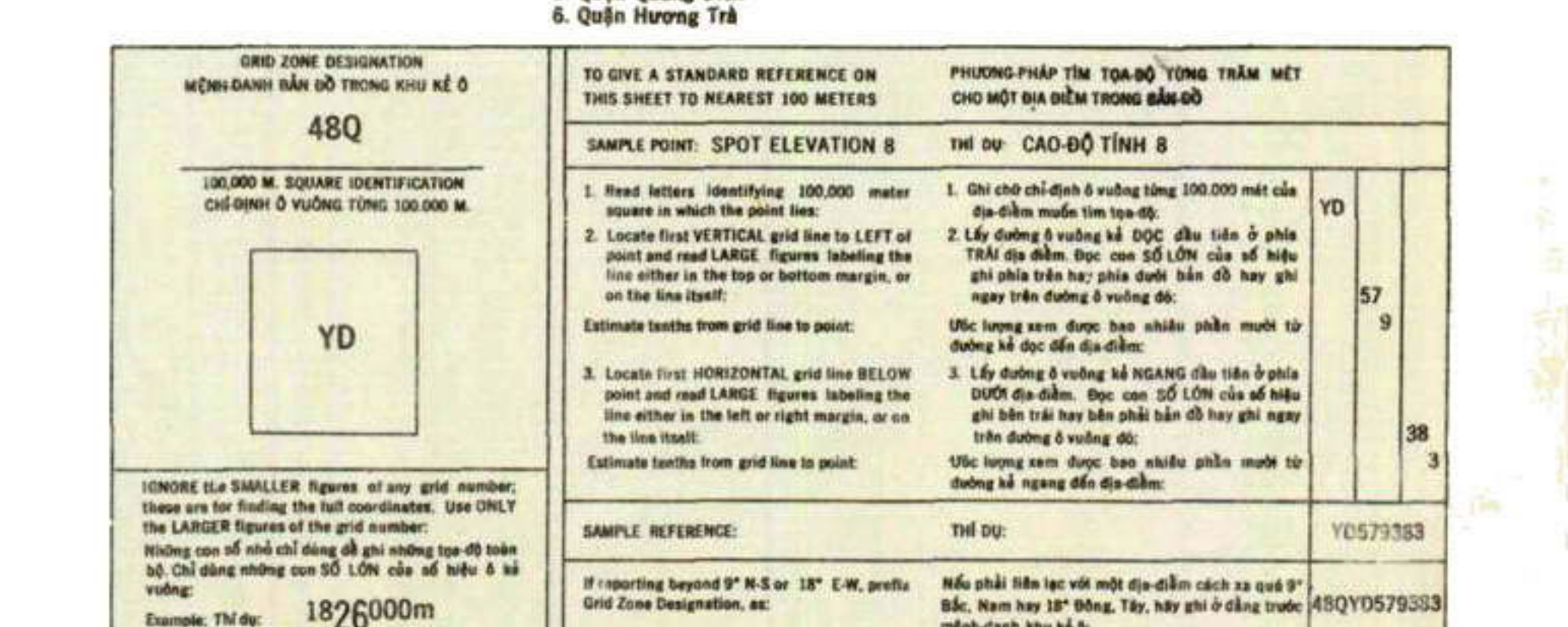
GLOSSARY — CỜ-TỬ		TO A GRID AZIMUTH SUBTRACT G-M ANGLE
Bàu.....	lake, pool	
Dinh Điền.....	agricultural development center	MUỐN ĐỒI
Dê.....	dike	PHƯƠNG-GIÁC TỬ THÀNH
Đồi.....	hill	PHƯƠNG-GIÁC Ở VƯỜN

EVEREST
1.000 MÊT: KHU HÌNH THOI 48
(HƯỚNG ĐƯƠNG CỎ CHI SỎI BIÊN)
LƯA
TÊN TRUNG-BÌNH TÀI HẠ TIÊN
THÔNG TRẮC-CẦU AN 60 1960

NORTH
[A-DU]

D CONVERGENCE
CENTER OF SHEET
ĐƯƠNG HẸ Ồ VƯỜN
TRUNG-TAM BÀN Ồ
(2 MILS; MIL)

65
MILE
V.T
(LS; MIL)



HẢI LĂNG (THÔN DIỄN SANH), VIETNAM